CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ [1]

Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019;

Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

- Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,[2]

---

[2] Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan."

Và Thông tư số số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Người dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

5. Cán bộ, công chức hải quan và cơ quan hải quan các cấp.

Chương II
CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Điều 3. Thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1.[3] *Hồ sơ dự thi*

a) Hồ sơ đăng ký dự thi lần đầu để cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành."

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

a.1) Phiếu đăng ký dự thi theo Mẫu số 01 [4] *ban hành kèm theo Thông tư này;*

a.2) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc các ngành kinh tế, luật, kỹ thuật: 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

a.3) Hai (02) ảnh màu 3x4cm chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi, 01 ảnh dán vào Chứng chỉ khi được cấp).

a.4) Văn bản ghi kết quả học tập trong trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện chuyên ngành đáp ứng điều kiện miễn thi theo quy định tại tiết a.1 điểm a và tiết b.1 điểm b khoản 7 Điều này: 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

a.5) Văn bản xác nhận của trường đại học, cao đẳng mà người đăng ký dự thi công tác trước khi thôi làm giảng viên trong trường hợp người dự thi thuộc đối tượng miễn thi theo quy định tại tiết a.2 điểm a và tiết b.2 điểm b khoản 7 Điều này: 01 bản chính

b) Hồ sơ đăng ký dự thi lại các môn thi chưa đạt, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

b.1) Phiếu đăng ký dự thi theo Mẫu số 01 [5] *ban hành kèm theo Thông tư này;*

b.2) Hai (02) ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh để dán vào Phiếu đăng ký dự thi và Chứng chỉ khi được cấp.

2. Đăng ký dự thi

Người dự thi đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để Tổng cục Hải quan làm căn cứ tổ chức thi.

3. Thời gian, địa điểm thi

---

[4] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[5] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

a) Việc thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được tổ chức ít nhất một năm một lần; có thể tổ chức thi theo khu vực, địa phương đảm bảo số lượng người đăng ký dự thi.

b) Thông tin về thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi được Tổng cục Hải quan thông báo chính thức trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố; báo Hải quan điện tử; niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố và gửi qua hộp thư điện tử của người đăng ký dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan chậm nhất là 60 ngày trước ngày thi.

4. Nộp hồ sơ dự thi

a) Trong thời gian thông báo nêu tại khoản 3 Điều này, người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi thuận tiện do người dự thi lựa chọn và phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành tại nơi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự thi, Cục Hải quan tỉnh, thành phố lập danh sách người dự thi đủ điều kiện dự thi kèm hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí dự thi gửi về Tổng cục Hải quan để tổng hợp và công bố danh sách người đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để người dự thi biết.

5. Tổng cục Hải quan xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc theo cụm bao gồm một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố để tạo thuận lợi cho người dự thi.

6. Các môn thi

a) Môn thứ nhất: Pháp luật về Hải quan.

Bao gồm các nội dung về Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, các Luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các Nghị định quy định chi tiết thi hành; Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

b) Môn thứ hai: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương.

Bao gồm các nội dung về giao nhận vận tải, nghiệp vụ ngoại thương, thanh toán quốc tế.

c) Môn thứ ba: Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan.

Bao gồm các nội dung về thủ tục hải quan, phân loại hàng hóa, trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa, sở hữu trí tuệ và chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

7. [6] *Trường hợp miễn thi:*

a) Miễn thi môn Pháp luật về hải quan và môn Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan đối với trường hợp sau:

a.1) Người tốt nghiệp chuyên ngành hải quan thuộc các trường đại học, cao đẳng mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp;

a.2) Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành hải quan tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

b) Miễn thi môn Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương đối với trường hợp sau:

b.1) Người tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế ngoại thương, thương mại quốc tế, kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế hoặc logistics và quản lý chuỗi cung ứng thuộc các trường đại học, cao đẳng mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp;

b.2) Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành kinh tế ngoại thương hoặc thương mại quốc tế hoặc kinh tế đối ngoại hoặc kinh tế quốc tế hoặc logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

c) Cơ sở xét miễn thi:

c.1) Ngành đào tạo ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc chuyên ngành đào tạo ghi trên văn bản ghi kết quả học tập phù hợp với chuyên ngành quy định tại tiết a.1 điểm a và tiết b.1 điểm b khoản này.

c.2) Văn bản xác nhận của trường đại học, cao đẳng mà người đăng ký dự thi công tác trước khi thôi làm giảng viên phù hợp với quy định tại tiết a.2 điểm a và tiết b.2 điểm b khoản này.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

8. Hình thức thi: Thi viết; trắc nghiệm; thực hành trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức thi trên. Căn cứ vào hình thức thi, Tổng cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi.

9.[7] *Kết quả thi:*

a) Môn thi đạt yêu cầu là môn thi đạt điểm từ 50 điểm trở lên chấm theo thang điểm 100.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Tổng cục Hải quan trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

c) Bảo lưu kết quả thi: Trường hợp trong các môn thi có môn không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản này, thì kết quả các môn thi đạt yêu cầu được tự động bảo lưu trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan; hoặc bảo lưu kết quả cho đến khi kết thúc kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tiếp theo liền kề trong trường hợp quá thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan mà kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan chưa được tổ chức.

Điều 4. Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1. Trường hợp được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

a) Người có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 9 Điều 3 Thông tư này được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

b) [8] *Công chức hải quan giữ ngạch kiểm tra viên hải quan có 09 (chín) năm công tác liên tục hoặc kiểm tra viên chính hoặc kiểm tra viên cao cấp sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.*

2. [9] *Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:*

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 [10] *ban hành kèm Thông tư này.*

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có Đơn đề nghị theo Mẫu số 11[11] *ban hành kèm theo Thông tư này gửi Tổng cục Hải quan và gửi kèm 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau của ảnh.*

b.2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Tổng cục

---

[8] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[10] Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

[11] Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này để xem xét việc cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo Mẫu số 03 [12] *ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.*

c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được sử dụng để cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này.

3. Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan sẽ được gửi cho người được cấp theo địa chỉ đăng ký trên Phiếu dự thi (đối với trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc trên văn bản đề nghị (đối với trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này). Trường hợp nhận trực tiếp tại nơi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan thì xuất trình giấy chứng minh nhân dân và ký nhận.

Chương III

ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 5. Đại lý làm thủ tục hải quan [13]

1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan, trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng ký với người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là chủ hàng) thay mặt chủ hàng thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan.

2. Đại lý làm thủ tục hải quan (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định của pháp luật) phải ký hợp đồng đại lý với chủ hàng. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan trên cơ sở hợp đồng đại lý đã ký với chủ hàng. Đại lý làm thủ tục hải quan chỉ xuất trình hợp đồng đại lý cho cơ quan hải quan để xác định trách nhiệm của các bên khi có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan ủy quyền theo quy định của pháp luật thực hiện việc ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan và các

---

[12] Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

chứng từ thuộc hồ sơ hải quan khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan.

3. Đại lý làm thủ tục hải quan chỉ được khai và làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của chủ hàng sau khi chủ hàng thông báo cho cơ quan hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan được thay mặt chủ hàng để làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của chủ hàng theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Thông tư này.

Điều 6. Công nhận đại lý làm thủ tục hải quan

1. [14] *Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm:*

a) Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

b) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 05 ban hành kèm Thông tư này, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp.

3. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác nếu Chi nhánh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan thì được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan. Thủ tục công nhận thực hiện theo quy định tại Điều này.

4. Khi thay đổi tên, địa chỉ, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị kèm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư gửi Tổng cục Hải quan để sửa đổi trên Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Điều 7. Tạm dừng, chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan [15]

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã

1. Tạm dừng hoạt động

a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị tạm dừng hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a.1) Hoạt động không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan hoặc không hoạt động đúng tên và địa chỉ đã đăng ký với cơ quan hải quan;

a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan không thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư này;

a.3) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng, không đủ về nội dung hoặc không đúng thời hạn với cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 13 Thông tư này trong 03 lần liên tiếp;

a.4) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng hoạt động.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này theo Mẫu số 06A [16] ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản này thì báo cáo Tổng cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này.

Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị tạm dừng hoạt động thì có công văn gửi Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 12 ban hành kèm Thông tư này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

c) Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khắc phục và có công văn đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Tổng cục Hải quan thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra,

---

số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[16] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và ban hành quyết định cho phép đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động theo Mẫu 06B ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do nếu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

2. Chấm dứt hoạt động

a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a.1) Bị xử lý về hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

a.2) Có gian lận trong việc cung cấp hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho cơ quan hải quan;

a.3) Sử dụng bộ chứng từ không phải do chủ hàng cung cấp để làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

a.4) Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng theo quy định tại tiết a.1, tiết a.2 và tiết a.3 điểm a khoản 1 Điều này mà đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và không có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động gửi Tổng cục Hải quan;

a.5) Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng hoạt động đối với trường hợp quy định tại tiết a.4 điểm a khoản 1 Điều này mà đại lý làm thủ tục hải quan không có đề nghị hoạt động trở lại;

a.6) Doanh nghiệp hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật phá sản;

a.7) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động;

b) Đối với các trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.3, tiết a.4, tiết a.5 và tiết a.6 điểm a khoản này:

b.1) Đối với các trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.3 và tiết a.6 điểm a khoản này, trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra, phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, cơ quan hải quan các cấp báo cáo Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 [17] *ban hành kèm Thông tư này. Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt*

---

[17] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Đối với trường hợp quy định tại tiết a.1, tiết a.2, tiết a.4 và tiết a.5 điểm a khoản này, khi phát hiện vi phạm thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 06 [18] *ban hành kèm Thông tư này.*

b.2) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm này không được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ban hành quyết định chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại tiết a.5 điểm a khoản này.

c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

d) Khi đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động thì mã số của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sẽ bị thu hồi và hết giá trị sử dụng.

Chương IV
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 8. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Những người làm việc tại đại lý làm thủ tục hải quan đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan và được đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị thì được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mã số nhân viên được ghi trên Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và được sử dụng trong thời gian hành nghề khai hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Các đối tượng không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

---

[18] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù;

c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Thuế hoặc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định xử phạt;

d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

đ) Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời gian quy định không được kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về việc quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ;

e) Các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Điều 9. Thủ tục cấp và gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 07 [19] ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

b) Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp;

c) [20] *Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp.*

Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì nộp bổ sung 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều này.

---

[19] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[20] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

d) [21] *Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành: 01 bản chụp;*

đ) [22] *Một (01) ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.*

Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này là chứng từ của từng nhân viên thuộc danh sách đề nghị cấp mã số. Các chứng từ bản chụp phải được người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.

2.[23] *Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 08 ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp.*

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng của người được cấp và có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. [24] *Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan*

---

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

a.2) Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do Trường Hải quan Việt Nam hoặc các trường cao đẳng, đại học, học viện có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Tổng cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức thực hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo Mẫu số 02 [25] *ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Tổng cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.*

b) Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan, gồm: Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 07A ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; 01 ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân khi có thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Các chứng từ bản chụp do người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc có văn bản trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện.

Thời gian gia hạn là 03 năm kể từ ngày gia hạn.

4. [26] *Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:*

---

số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[25] Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngay 01 tháng 01 năm 2023.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:

a.1) Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị mất và được đại lý làm thủ tục hải quan xác nhận tại Đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;

a.3) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân;

b) Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan, gồm: Đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07B ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và 01 ảnh màu 2x3cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân khi có thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân đã nộp tại hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc có văn bản trả lời đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp không đủ điều kiện.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được thay đổi theo số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.

Điều 10. Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. [27] *Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:*

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại Thông tư này;

đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động;

e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc trường hợp này phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc các trường hợp a, b, c khoản 1 Điều này sẽ không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi. Trong thời gian không được hành nghề, nếu người bị thu hồi đứng tên thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp này sẽ không được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan.

Hết thời hạn nêu trên, nếu người bị thu hồi muốn được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì phải trải qua kỳ thi và được cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ hải quan và thực hiện thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. [28] Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Đại lý làm thủ tục hải quan có Đơn đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo Mẫu số 07C ban hành kèm theo

---

[28] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Thông tư này đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.

b) Trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm thì sau khi xử lý vi phạm, Cục hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan để thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của Cục hải quan tỉnh, thành phố hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Trực tiếp thực hiện các công việc về thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này trong phạm vi hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

3. Giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Đề nghị Tổng cục Hải quan ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo.

5. Tham dự các lớp đào tạo, tập huấn về thủ tục hải quan, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế và các quy định khác do cơ quan hải quan trực tiếp tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia giới thiệu.

Điều 12. Quản lý và sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. [29] *Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Trường hợp việc khai hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử, cơ quan hải quan sẽ cấp tên người sử dụng và mật khẩu cho người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để truy cập vào hệ thống. Người*

---

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin do cơ quan hải quan cung cấp. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải xuất trình mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có giá trị để làm thủ tục hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng đại lý.

3. Khi đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số, cơ quan hải quan sẽ ngừng cho phép nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan truy cập vào hệ thống hoặc không chấp nhận các công việc liên quan đến thủ tục hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Đại lý làm thủ tục hải quan và mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được sử dụng để làm thủ tục hải quan trên phạm vi toàn quốc.

Chương V
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 13. Quyền, trách nhiệm của Đại lý làm thủ tục hải quan

1. [30] *Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; Chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để cơ quan hải quan cấp tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.*

2. Yêu cầu chủ hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng đại lý.

3. [31] *Yêu cầu cơ quan hải quan hướng dẫn về thủ tục hải quan, thủ tục thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kỹ thuật trong việc kết nối mạng*

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung

với cơ quan hải quan và cung cấp các quy định mới của pháp luật về hải quan; tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về hải quan;

Được cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Chịu trách nhiệm về các nội dung khai trên tờ khai hải quan trên cơ sở bộ chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do chủ hàng cung cấp và thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền theo hợp đồng đại lý.

5. [32] Thông báo cho Tổng cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.

6. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến chủ hàng hoặc các lô hàng do đại lý làm thủ tục hải quan đứng tên khai hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

7. Chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan.

8. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan thay mặt chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu thì đại lý làm thủ tục hải quan phải chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các pháp luật khác có liên quan.

9. [33] Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm:

a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 10 [34] ban hành kèm Thông tư này

---

một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý địa bàn đăng ký kinh doanh. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

b) Báo cáo, đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của chủ hàng

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan cung cấp cho đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Giám sát, khiếu nại việc thực hiện các nghĩa vụ của Đại lý làm thủ tục hải quan trong phạm vi được ủy quyền và chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định xử lý của cơ quan hải quan trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế.

4. Đề nghị cơ quan hải quan chấm dứt làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp phát hiện Đại lý làm thủ tục hải quan không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng.

5. [35] *Bố trí người làm thủ tục hải quan và các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hải quan. Trường hợp thực hiện thủ tục qua đại lý làm thủ tục hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thay mặt chủ hàng để thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.*

---

[34] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[35] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

6. [36] *Khi phát sinh hợp đồng đại lý làm thủ tục hải quan, chủ hàng thông báo danh sách đại lý làm thủ tục hải quan được thay mặt chủ hàng khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; trừ các trường hợp sau:*

a) Khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh theo quy định pháp luật về bưu chính và hải quan;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân không có mã số thuế;

c) Hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; hàng hóa là hàng mẫu không thanh toán; hàng hóa là hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người nhập cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế.

7. [37] *Được cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp chủ hàng có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.*

Điều 15. Quyền, trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy định tại Luật Hải quan và Thông tư này của Đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Tạm dừng làm thủ tục hải quan và thông báo cho chủ hàng trong trường hợp Đại lý làm thủ tục hải quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật hải quan và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc có sự tranh chấp trong hợp đồng đại lý làm thủ tục hải quan.

---

[36] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

3. Cập nhật trên hệ thống quản lý và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đủ điều kiện hoạt động theo quy định, việc chấm dứt hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

4. [38] *Hỗ trợ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan; áp dụng cơ chế ưu tiên về thủ tục hải quan đối với các đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật.*

5. Xây dựng chương trình, tài liệu, đề cương ôn tập của các môn thi quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan; Tổ chức thi và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho người dự thi.

6. Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức phổ biến, giới thiệu chính sách pháp luật có liên quan đến thủ tục hải quan mới ban hành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

7. Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan các thông tin bao gồm:

a) Kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

b) Danh sách doanh nghiệp được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp mã số; Danh sách đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị đình chỉ, bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Nội dung đăng tải gồm: Tên đại lý làm thủ tục hải quan, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, năm thành lập, số điện thoại, người đại diện theo pháp luật, danh sách nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên và các thông tin cần thiết khác có liên quan.

8. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật và các quy định của Thông tư này đối với các đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chấp hành tốt pháp luật và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng chính sách pháp luật, phát triển hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

---

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

9. [39] *Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý khi phát sinh các nội dung báo cáo tại điểm 2, điểm 3, điểm 4 và điểm 5 Mẫu số 10* [40] *ban hành kèm theo Thông tư này gửi Tổng cục Hải quan để tổng hợp theo dõi vào trước ngày 10 của tháng đầu quý sau hoặc khi phát hiện đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm quy định tại Thông tư này.*

10. [41] *Ngay sau khi tờ khai hải quan được đăng ký trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan cho đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng trong trường hợp chủ hàng hóa có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.*

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành [42]

---

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[40] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[41] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

[42] Điều 3 của Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2015 và thay thế Thông tư số 80/2011/TT-BTC ngày 09/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 14/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 của Chính phủ quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp [43]

---

công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2019.

2. Bãi bỏ Mẫu số 02, Mẫu số 03A và Mẫu số 03B ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./."

Và Điều 4 của Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, quy định như sau:

*"**Điều 4. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

[43] Điều 2 của Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đang thực hiện khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục thực hiện và thông báo bổ sung danh sách đại lý làm thủ tục hải quan được thay mặt chủ hàng khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Thông tư này trước ngày 31/12/2019.

Sau ngày 31/12/2019, khi có thay đổi danh sách đại lý làm thủ tục hải quan thay mặt chủ hàng khai và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục thực hiện việc thông báo, cập nhật thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

1. Đại lý làm thủ tục hải quan đã được công nhận trước ngày Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực, trước ngày 30/9/2015, Cục Hải quan tỉnh, thành phố lập Danh sách đề nghị Tổng cục Hải quan ra quyết định công nhận lại.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã được cấp thẻ nhân viên đại lý trước ngày Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực, trước ngày 30/9/2015, đại lý làm thủ tục hải quan lập danh sách đề nghị Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

BỘ TÀI CHÍNH — **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 09 /VBHN-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính)
- Lưu: VT, TCHQ (9b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

---

2. Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức đã cấp cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực để Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mới hoặc cấp lại hoặc gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này."

CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO THÔNG TƯ

Mẫu số 01 – Phiếu đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Mẫu số 02 – Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan.

Mẫu số 03 - Mẫu Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Mẫu số 04 - Đơn đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 05 - Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan

Mẫu số 06 – Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 06A – Quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 06B – Quyết định tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07 – Đơn xin cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07A – Đơn đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07B – Đơn đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 07C – Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 08 - Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

Mẫu số 09 - Quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 10 – Báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 11 – Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Mẫu số 12 – Đơn đề nghị tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 01[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Họ và tên: .....Nam, nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....

Số định danh cá nhân/ CMND/CCCD/:..... cấp ngày .../.../..... tại .....

- Đăng ký dự thi môn:

+ Pháp luật về Hải quan □

+ Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương □

+ Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan □

- Địa điểm dự thi tại: .....

- Môn thi đề nghị được miễn: .....

- Môn thi đề nghị được bảo lưu kết quả thi đã đạt tại các kỳ thi trước:

+ Môn.....đạt .... điểm tại Thông báo số .... ngày .../.../... của Tổng cục Hải quan.

+ Môn.....đạt .... điểm tại Thông báo số .... ngày .../.../... của Tổng cục Hải quan.

- Địa chỉ nhận Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (tại Cục Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi hoặc tại địa chỉ cụ thể): .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày ..... tháng ..... năm	*Ngày ..... tháng ..... năm .....*
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI DỰ THI	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ghi chú: *Nếu người dự thi đạt yêu cầu dự thi thì Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận, đóng dấu vào phiếu đăng ký dự thi và ảnh của người dự thi. Sau đó gửi phiếu đăng ký dự thi này cho người dự thi để xuất trình khi vào phòng thi./.*

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Mẫu số 02 [2]

ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)
CHỨNG NHẬN

Họ và tên: ..... (Họ và tên người được chứng nhận)

Sinh ngày:.....

Số định danh cá nhân/CMND/CCCD ..... cấp ngày ..... tại .....

Đã hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../..... tại .....

Số QĐ cấp chứng nhận:... ngày...
Số vào sổ: .....
Số hiệu: ...../201.../GCN-....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...
TM. ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[2] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mẫu số 03 [3]

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-TCHQ ngày ... tháng.... năm.... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc nghỉ hưu/nghỉ việc/chuyển công tác đối với ông (bà) ...

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-TCHQ ngày ... tháng .... năm .... về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

- Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..... của Chủ tịch Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan công nhận kết quả thi năm ..... tổ chức tại .....

Ảnh 3 x 4 cm

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà): .....

- Sinh ngày: ...../...../.....

- Số định danh cá nhân/CMNN/CCCD.... cấp ngày... tại .....

Hà Nội, ngày ...../...../.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: .....
Ngày ... tháng ... năm ...

[3] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mẫu số 04

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /..... V/v đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan	*....., ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: .....

Loại hình doanh nghiệp: .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công ty ..... tự xét thấy đã đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan và Thông tư dẫn trên, cụ thể:

1/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác nhận có ngành nghề: .....

2/ Số lượng nhân viên đủ điều kiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: .....

3/ Hạ tầng công nghệ thông tin: .....

4/ Điều kiện về cơ sở hạ tầng, kho, bãi, phương tiện vận tải (nếu có): .....

Đề nghị Tổng cục Hải quan xác nhận Công ty ..... đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- .....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu....	**GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-TCHQ	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan gửi kèm công văn số ..... ngày .../.../..... của Công ty .....

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

(Tên doanh nghiệp):.....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số .....ngày cấp .....nơi cấp.....

Đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

(Tên doanh nghiệp) ..... có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc (doanh nghiệp) ....., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, tp' ....., ... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, ... (3b).	**TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 06 [4]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/QĐ-TCHQ	*……, ngày …… tháng …… năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của (Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc doanh nghiệp) …… về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp) ……

Mã số thuế: ……

Địa chỉ: ……

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày cấp…… nơi cấp……

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số… ngày…. của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

---

[4] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b Khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) ....., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ... (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06A [5]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-TCHQ	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của (Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc doanh nghiệp) ..... về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp) .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày.... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại

---

[5] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

lý làm thủ tục hải quan

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động, Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) ....., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ... (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06B

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/QĐ-TCHQ	*……, ngày …… tháng …… năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xem xét hồ sơ gửi kèm công văn số ..... về việc đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp).....; và

Kết quả kiểm tra điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với (doanh nghiệp).....

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp) .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… ngày cấp…… nơi cấp.....

Đủ điều kiện tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

.....(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) ....., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ... (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07 [6]

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ..... ngày ...../...../..... giữa doanh nghiệp ..... với ông (bà) .....

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: .....Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/ Số CMND/ Số CCCD:..... cấp ngày.....tại.....

2/ Họ và tên:.....Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/ Số CMND/ Số CCCD:..... cấp ngày.....tại.....

---

[6] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a Khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

3/ ...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- .....;

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07A

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ..... ngày ...../...../..... giữa doanh nghiệp ..... với ông (bà) .....

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: .....Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/Số CMND/Số CCCD:..... cấp ngày.....tại.....

2/ Họ và tên:..... Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/ Số CMND/ Số CCCD:..... cấp ngày.....tại.....

3/ ...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- .....;

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07B

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ..... ngày ...../...../..... giữa doanh nghiệp ..... với ông (bà) .....

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: ..... Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/ Số CMND/ Số CCCD:..... cấp ngày.....tại..... .....

Lý do: .....

2/ Họ và tên:..... Sinh ngày: .....

Số định danh cá nhân/ Số CMND/ Số CCCD:..... cấp ngày.....tại.....

Lý do: .....

(Đối với trường đề nghị cấp lại mã số do thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị mất thì có thêm nội dung xác nhận sự việc)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07C

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp cho các ông bà cho ông (bà):

1/ Họ và tên: ..... Sinh ngày: .....

Mã số nhân viên đại lý hải quan:..... cấp ngày.....

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:.....

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan: .....

2/ Họ và tên:..... Sinh ngày: .....

Mã số nhân viên đại lý hải quan:..... cấp ngày.....

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: .....

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan: .....

3/ ...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

Ảnh 2x3	**TỔNG CỤC HẢI QUAN** --------- **MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN** .....

Họ tên: .....

Ngày sinh .....

Đại lý làm thủ tục hải quan: .....

.....

Có giá trị đến ngày: .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201...

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Xét công văn đề nghị của doanh nghiệp ..... hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố về việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (nếu có);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

Ông (bà):.....

Mã số: ..... cấp ngày ...../...../.....

Là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp.....

.....

Lý do thu hồi: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc (doanh nghiệp) ....., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, tp'..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, ... (3b).	**TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 10 [7]

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY ....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

(Quý ..../201....)

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh/ thành phố.....

Tên Đại lý Hải quan: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

TT	Loại hình XNK	Số lượng DN ký hợp đồng	Số lượng tờ khai	Kim ngạch (USD)	Tiền thuế		
					XNK	GTGT	Thuế khác
1							
2							

1. Các công việc được ủy quyền: .....

2. Tình hình vi phạm pháp luật thuế, hải quan, pháp luật khác (số vụ, hành vi) (kể cả hành vi vi phạm pháp luật do chủ hàng thực hiện): .....

3. Thay đổi về điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

- Thay đổi tên/ địa chỉ đăng ký kinh doanh: (nếu có) .....
- Thay đổi về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan: (nếu có) .....
- Thay đổi về ngành nghề đăng ký kinh doanh; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: (nếu có).....

4. Vướng mắc và kiến nghị:

- Về chính sách XNK ...;
- Về chính sách thuế ...;
- Về thủ tục hải quan ...;
- Về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan ...;

---

[7] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

- Về phối hợp, hợp tác giữa Hải quan - đại lý làm thủ tục hải quan - chủ hàng: ...;

5. Những kiến nghị khác: .....

GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Hải quan (Cục GSQL);
- Lưu .....

Mẫu số 11 [8]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên:..... Nam/nữ: .....

Ngày sinh:.....

Số định danh cá nhân/CMND/CCCD:..... cấp ngày:..... tại.....

Nơi ở hiện nay:.....

Ngạch công chức:.....

Thời gian, quá trình công tác:.....

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nghiệm.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

[8] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Mẫu số 12

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../..... V/v đề nghị tạm dừng/chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Công ty đã được công nhận đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số..... ngày..... Nay Công ty đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với công ty.

Lí do tạm dừng/ chấm dứt:.....

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét giải quyết theo quy định./.

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)